

DƯ THẢO

THÔNG TƯ

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xây dựng các văn bản kỹ thuật đo lường và duy trì, bảo quản, sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia

Căn cứ Luật Đo lường số: 04/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng các văn bản kỹ thuật đo lường; duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia.

Điều 1: Ban hành kèm theo Thông tư này quy định 31 quy trình thực hiện cùng 31 định mức kinh tế - kỹ thuật về 01 dịch vụ xây dựng các văn bản kỹ thuật đo lường và 30 dịch vụ duy trì, bảo quản, sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia gồm:

- 1- Xây dựng các văn bản kỹ thuật đo lường được quy định tại (phụ lục 1);
- 2- Chuẩn đo lường quốc gia Nguồn bước sóng chuẩn Laser He- Ne 633 nm ổn định tần số bằng I-ốt (206/ WINTER Model 100) được quy định tại (phụ lục 2);
- 3- Hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về Góc phẳng (gồm bao gồm hai: Chuẩn quốc gia về góc phẳng nhỏ và chuẩn quốc gia góc phẳng toàn vòng) được quy định tại (phụ lục 3);
- 4- Chuẩn đo lường quốc gia Quả cân chuẩn 1kg (VIE 982100/2/ VIE 982100/2) được quy định tại (phụ lục 4);
- 5- Chuẩn đo lường quốc gia Máy chuẩn độ cứng HNG – 250 thang đo HRC (030-78/ HNG -250) được quy định tại (phụ lục 5);
- 6- Chuẩn đo lường quốc gia Máy chuẩn lực đến 100 KN (V03.TB1.20/ 100 kN/1000 kN-LA-KS) được quy định tại (phụ lục 6);
- 7- Chuẩn đo lường quốc gia Áp kế piston khí (58784/RUSKA Model 2465A-754); Áp kế piston khí (642/ DHI Model PG 7607); Áp kế piston (49915/ RUSKA Model 2485-930D); Áp kế piston (61607/ RUSKA Model 2492); Áp kế piston đo áp suất chênh áp (V04.TB1.21; V04.TB122 / PG7202/898; PG7202/899); Áp kế piston đo áp suất cực thấp (153/ DHI Model FPG 8601) được quy định tại (phụ lục 7);
- 8- Chuẩn đo lường quốc gia Chuẩn lưu lượng khí kiểu chuông (V05.03/ CQG-

- LLK-01); Chuẩn lưu lượng khí kiểu PVTt (V05.04/ CQG-LLK-02) được quy định tại (phụ lục 8);
- 9- Hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về dung tích (V05.01/ CQG-DT – 13) được quy định tại (phụ lục 9);
- 10- Hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về lưu tốc thể tích chất lỏng (V05.02/ CQG-LTTTCL) được quy định tại (phụ lục 10);
- 11- Hệ thống thiết bị chuẩn lưu lượng khối lượng nước (V05.05/ CQG-LLKLN-11) được quy định tại (phụ lục 11);
- 12- Hệ thống thiết bị chuẩn lưu lượng thể tích xăng dầu (V05.06/ CQG-LLTTXD-02) được quy định tại (phụ lục 12);
- 13- Hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về vận tốc khí gồm hai chuẩn: đĩa vận tốc chuẩn và chuẩn đo vận tốc khí kiểu Laser Doppler Số hiệu: V05.07.20 (Đĩa vận tốc chuẩn: số hiệu V05.TB1.20.1, Ký mã hiệu: V05.07.20.1; Chuẩn đo vận tốc khí kiểu Laser Doppler số hiệu V05.TB1.05.2, Ký mã hiệu: V05.07.20.02) được quy định tại (phụ lục 13);
- 14- Chuẩn đo lường quốc gia Khối lượng riêng chất lỏng (V06.02/ Density Meter DA-650) được quy định tại (phụ lục 14);
- 15- Chuẩn đo lường quốc gia Nhớt kế mao quản chuẩn (V06.01/Master Ubbelohde) được quy định tại (phụ lục 15);
- 16- Chuẩn đo lường quốc gia Dung dịch chuẩn kim loại kẽm (Zn), (Số hiệu: ĐLHH.01.20.01 Ký mã hiệu: VML.PRM.TP09. Zn) được quy định tại (phụ lục 16);
- 17- Chuẩn đo lường quốc gia Suy giảm tần số cao (V08.03/ Agilent 8494B, 8496B và hệ thống N5531S) được quy định tại (phụ lục 17);
- 18- Chuẩn đo lường quốc gia Đồng hồ nguyên tử Cesium (3608A01233/ HP5071A) được quy định tại (phụ lục 18);
- 19- Chuẩn đo lường quốc gia Điểm ba của Nước tinh khiết; Điểm ba của Thủy ngân tinh khiết; Điểm nóng chảy của Gali tinh khiết; Điểm đông đặc của Thiếc tinh khiết; Điểm đông đặc của Kẽm tinh khiết; Điểm đông đặc của Nhôm tinh khiết; Điểm đông đặc của Bạc tinh khiết; Cầu đo tỷ số điện trở; Điện trở chuẩn AC/DC; Nhiệt kế điện trở chuẩn Platin; Nhiệt kế điện trở Platin chuẩn nhiệt độ cao được quy định tại (phụ lục 19);
- 20- Chuẩn đo lường quốc gia cường độ sáng (V11.01/ Wi41/G 0030; Wi41/G 0031; Wi41/G 0037) được quy định tại (phụ lục 20);
- 21- Chuẩn đo lường quốc gia quang thông được quy định tại (phụ lục 21);
- 22- Chuẩn đo lường quốc gia về phổ truyền qua được quy định tại (phụ lục 22);
- 23- Chuẩn đo lường quốc gia về độ chói được quy định tại (phụ lục 23);
- 24- Chuẩn đo lường quốc gia mức áp suất âm thanh được quy định tại (phụ lục 24);
- 25- Chuẩn đo lường quốc gia lĩnh vực đo lường rung động được quy định tại (phụ lục 25);
- 26- Chuẩn đo lường quốc gia Điện áp một chiều (DC Voltage) (V07.04/ Fluke 7000) được quy định tại (phụ lục 26);
- 27- Chuẩn đo lường quốc gia Dòng điện một chiều (DC Current) (V07.05/ Current Shunt CS - 0.1; Current Shunt CS – 1) được quy định tại (phụ lục 27);
- 28- Chuẩn đo lường quốc gia Điện trở một chiều (DC Resistance) (V07.03/

L&N 4102-B) được quy định tại (phụ lục 28);

29- Chuẩn đo lường quốc gia Điện áp xoay chiều (AC Voltage) (V07.06/ Single Junction Thermal Converter) được quy định tại (phụ lục 29);

30- Chuẩn đo lường quốc gia Công suất điện tần số công nghiệp (AC Powers) được quy định tại (phụ lục 30);

31- Chuẩn đo lường quốc gia Năng lượng điện tần số công nghiệp (Energy) được quy định tại (phụ lục 31).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ xây dựng văn bản kỹ thuật đo lường và dịch vụ duy trì, bảo quản, sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, thuộc dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động đo lường.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được ban hành.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN, Chi cục TCĐLCL các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, TĐC.